TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THANH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2018/DSST
Ngày 16 - 5 - 2018
V/v: Tranh chấp
Hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Hồng Phương

Bà Nguyễn Thị Bích Liên

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoài là thư ký Toà án nhân dân Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 574/2017/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2017, về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2018/QĐXX-DS ngày 09/4/2018. Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2018/QĐST-DS ngày 26/4/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần X (Ngân hàng X Bank); trụ sở chính: số A đường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật ông Võ Minh T - Chủ tịch Hội đồng quản trị; Chi nhánh G - Phòng giao dịch N; địa chỉ: 362A đường N Phường A quận G, TPHCM; đại diện theo ủy quyền bà Lâm Khánh U; sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Bị đơn: Bà Uông Trần Thị N, sinh năm 1976 (Vắng mặt).
Hộ khẩu thường trú: 446/4 đường T, Phường M, quận G - TPHCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/8/2017, Ngân hàng thương mại cổ phần X (Gọi tắt là X Bank). Ngày 12/3/2015 bà Uông Trần Thị N có đơn yêu cầu vay số tiền là 60.000.000 đồng. Ngày 20/5/2015 Ngân hàng X ký duyệt hồ sơ và giải ngân vào tài khoản số 0101647679 của bà N với hạn mức là 60.000.000 đồng. Thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất (lãi gộp) là 8% năm, tiền góp vốn và lãi mỗi tháng là 2.900.000 đồng. Từ ngày 6/5/2015 đến tháng 04/2016, bà N góp trả vốn, lãi được 11 kỳ. Từ

tháng 5/2016 đến thời điểm khởi kiện bà N không thực hiện trả góp gốc và lãi theo định kỳ. Ngày 15/12/2016 X Bank chủ động thu hồi nợ từ tài khoản còn tồn của bà N là 2.418.377 đồng, và cấn trừ vào nợ gốc của bà N.

Bà U đại diện Ngân hàng TMCP X, yêu cầu bà N thanh toán số tiền còn nợ vốn là 32.362.334 đồng, lãi trong hạn 2.905.955 đồng, và lãi quá hạn là 6.089.981 đồng.

Đại diện Ngân hàng TMCP X có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại Tòa.

Đối với bị đơn là bà Uông Trần Thị N: Tòa án đã thực hiện việc tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo phiên hòa giải đối với bà N tại nơi cư trú nhưng bà N vẫn không đến Tòa theo giấy triệu tập và không có văn bản nào gửi đến Tòa án thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Nên Tòa án quận Gò Vấp không thu thập được lời khai và chứng cứ từ phía bà Uông Trần Thị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về giải quyết và xét xử vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của pháp luật về tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được kiểm tra tại phiên tòa. Hội Đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng. Trong giao dịch hợp đồng bị đơn xác định có hộ khẩu thường trú và cư trú tại quận Gò Vấp. Được qui định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Căn cứ xác minh công an Phường 5, quận Gò Vấp xác nhận bà Uông Trần Thị N có hộ khẩu thường trú tại 446/4 đường T, Phường M quận G - TPHCM, nhưng bà N đi khỏi địa phương không xác định nơi cư trú, đồng thời bà N không thông báo nơi cư trú mới cho Ngân hàng X biết, do vậy được coi là bà N cố tình giấu địa chỉ. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành, niêm yết, tống đạt giấy triệu tập thông báo thụ lý, thông báo phiên họp công khai chứng cứ, và đối chất - hòa giải hợp lệ đối với bị đơn, nhưng bị đơn không có ý kiến hoặc phản hồi văn bản theo yêu cầu của nguên đơn khởi kiện. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Uông Trần Thị N.

[3] Ngày 14/5/2018 đại diện nguyên đơn là bà Lâm Khánh U có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 288 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn.

[4] Về yêu cầu đương sự:

Xét thấy Ngân hàng thương mại cổ phần X-Chi nhánh phòng giao dịch N và bà Uông Trần Thị N có ký kết giấy vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 20/5/2015. Ngân hàng X Bank chuyển vào tài khoản số 0101.647.679 của bà U số tiền là 60.000.000 đồng. Trong quá trình vay bà N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ đúng cam kết. Ngân hàng X khởi kiện bà Uông Trần Thị N tại Tòa là có cơ sở thụ lý vụ án theo Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét ngày 21/5/2015 Ngân hàng TMCP X - Phòng giao dịch N có giải ngân vào tài khoản số 0101647679 của bà Uông Trần Thị N số tiền là là 60.000.000 đồng. Thời hạn vay 24 tháng, lãi suất trả góp 8% năm. Phương thức trả góp vốn, lãi mỗi tháng là 2.900.000 đồng/tháng. Giấy vay tiền kiêm khế ước nhận nợ bà N thống nhất và cam kết trả nợ theo phương thức nêu trên. Trong quá trình thực hiện bà N đã góp trả vốn, lãi suất là 11 kỳ. Từ tháng 5/2016 số tiền còn nợ gốc là 34.780.711 đồng, bà N không thanh toán vốn và lãi suất đúng cam kết. Ngày 15/12/2016 Ngân hàng TMCP X chủ động thu hồi nợ từ tài khoản còn tồn của bà N số tiền là 2.418.377 đồng.

Đến nay số tiền bà N cò nợ vốn là 32.362.334 đồng, lãi trong hạn là 2.905.955 đồng (1).

Lãi quá hạn tính đến ngày 22/11/2017 như sau:

Lãi quá hạn từ ngày (21/5/2016 đến 15/12/2016) số tiền là:

34.780.711đồng x 8% x 1.5/360 x 208 = 2.411.463 đồng (2).

Lãi quá hạn từ ngày (16/12/2016 đến 22/11/2017) số tiền là:

32.362.334 đồng x 8% x 1.5 / 360 x 341 = 3.678.581 đồng (3).

Căn cứ Điều 388, Điều 474, Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 thì "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định pháp luật". Do vậy giấy vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ dành cho CBCNV vay tiêu dùng tín chấp được thực hiện theo thỏa thuận, nếu đến hạn thanh toán mà bên vay không không trả nợ vay đầy đủ, thì Ngân hàng TMCP X chuyển toàn bộ số tiền nợ vay sang nợ quá hạn trong ngày đó và chịu mức lãi suất phạt quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất cho vay trong hạn. Như vậy tại thời điểm vay lãi suất thống nhất là 8% năm, và lãi suất quá hạn không vượt quá 1,5 lần lãi suất trong hạn. Do vậy Ngân hàng TMCP X yêu cầu bà Uông Trần Thị N, thanh toán số tiền nợ vốn, lãi trong hạn, lãi quá hạn từ ngày 21/5/2016 đến ngày 22/11/2017 gồm (1) + (2) + (3) số tiền là 41.358.270 đồng. Và tiền lãi phát sinh kể từ ngày tuyên án đến ngày bà Uông Trần Thị N thanh lý hợp đồng vay góp là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[5] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí lệ phí của Tòa án. Do vậy bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 179, khoản 2 Điều 227, và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 388, Điều 474, Bộ luận Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà bà Uông Trần Thị N có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền còn nợ vốn và lãi suất là 41.358.270 đồng, bao gồm (Số tiền nợ vốn là 32.362.334 đồng, lãi trong hạn là 2.905.955 đồng, và lãi quá hạn từ ngày 21/5/2016 đến ngày 22/11/2017 là 6.090.044 đồng). Bà Uông Trần Thị N còn phải trả thêm tiền lãi phát sinh kể từ ngày tuyên án đến khi thanh lý hợp đồng vay trả góp theo giấy vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ dành cho CBCNV vay tiêu dùng tín chấp được thực hiện ngày 20/5/2015.

Thời hạn thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành ngay tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.Về án phí DSST:

Bà Uông Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.067.913 đồng, (Hai triệu, không trăm sáu mươi bảy nghìn, chín trăm mươi ba đồng).

Ngân hàng TMCP X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP X số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 942.206 đồng, theo Biên lai thu tiền số 0027735 ngày 24/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp-Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM
- VKSND Q.GV
- THA DS QGV
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thùy Trang

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM